

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo

Ngành Kỹ thuật điện của Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			<p><i>Phương thức 1:</i> Sử dụng kết quả thi các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 để xét tuyển vào các ngành đào tạo. Phân hiệu dành 30% chỉ tiêu ngành để tuyển sinh theo phương thức này.</p> <p><i>Phương thức 2:</i> Sử dụng kết quả học tập các môn trong tổ hợp môn xét tuyển ở cấp THPT của năm học lớp 11 và học kỳ I năm học lớp 12 để xét tuyển. Điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình chung (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) mỗi môn học của năm học lớp 11 và học kỳ I năm học lớp 12. Điều kiện xét tuyển là tổng điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển phải ≥ 18.0. Phân hiệu dành 70% chỉ tiêu ngành để tuyển sinh theo phương thức này.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>1. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none">- Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương;- Nắm vững kiến thức các môn khoa học cơ bản và cơ sở liên quan đến chuyên ngành đào tạo và vận dụng được vào ngành kỹ thuật điện – điện tử;- Trang bị kiến thức cơ bản, chuyên sâu về kỹ thuật điện, điện tử và các giải pháp tiết kiệm năng lượng; Đào tạo sinh viên có khả năng thiết kế, xây dựng, khai thác, vận hành, sử dụng, bảo trì các thiết bị điện tử, khí cụ điện, hệ thống truyền động điện; hệ thống truyền tải, phân

			<p>phối, cung cấp điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống điện gió, điện mặt trời,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức tin học tương đương trình độ B; hiểu rõ và sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ thiết kế, thi công và quản lí công trình điện - Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, có thể đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng ngoại ngữ. <p>2. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và vận dụng các kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề của thực tế nghề nghiệp trong tư vấn thiết kế, khảo sát, lập dự toán, thi công các công trình điện; - Sinh viên được chú trọng rèn luyện những kỹ năng cơ bản cần thiết về thuyết trình, Tổ chức thực hiện các đề án thực tế thuộc lĩnh vực điện, điện tử - Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng mềm về giao tiếp, làm việc nhóm, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập. - Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ thiết kế, vận hành và quản lí lưới điện; - Biết phân tích các yêu cầu về mặt kỹ thuật và vận dụng các phần mềm quản lý kinh tế trong xây dựng công trình điện - Khả năng tự nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kĩ thuật, công nghệ trong chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực điện – điện tử; <p>3. Về thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỉ luật và tác phong công nghiệp; - Tinh thần lao động nghiêm túc, trung thực, khách quan; có trách nhiệm khi giải quyết các vấn đề khoa học, kĩ thuật và công nghệ; - Có tinh thần học hỏi, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.
--	--	--	---

			<p>4. Trình độ ngoại ngữ</p> <p>- Có các chứng chỉ Tiếng Anh B1 hoặc tương đương theo chuẩn của Bộ GD&ĐT.</p>																																																																	
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p>* Các chính sách, hỗ trợ học tập cho sinh viên:</p> <p>- Năm học 2018 -2019, Phân hiệu đã miễn, giảm học phí cho những sinh viên trong diện miễn giảm, xét cấp học bổng và trợ cấp cho những sinh viên có thành tích học tập tốt, hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>- Có chế độ Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên có thành tích học tập tốt, rèn luyện tốt</p> <p>* Môi trường sinh hoạt học tập thuận lợi:</p> <p>- Ký túc xá gần Trường; thường xuyên tổ chức các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm, các CLB sinh viên đa dạng, phong phú; phòng máy tính, wifi miễn phí phủ sóng toàn trường; thư viện.</p>																																																																	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<p align="center">KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN (Áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2015)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>MÃ HỌC PHẦN</th> <th>TÊN HỌC PHẦN</th> <th>SỐ TC</th> <th>HỌC KỲ DỰ KIẾN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</td> <td align="center">35</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="3">I. Lý luận chính trị</td> <td align="center">10</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>CTR1015</td> <td>Những nguyên lý của CNMLN</td> <td align="center">5</td> <td align="center">1,2</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>CTR1022</td> <td>Tư tưởng Hồ Chí Minh</td> <td align="center">2</td> <td align="center">3</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>CTR1033</td> <td>Đường lối CM của Đảng CSVN</td> <td align="center">3</td> <td align="center">4</td> </tr> <tr> <td colspan="3">II. Khoa học tự nhiên</td> <td align="center">21</td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>TOA1043</td> <td>Toán cao cấp A1</td> <td align="center">3</td> <td align="center">1</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>TOA1053</td> <td>Toán cao cấp A2</td> <td align="center">3</td> <td align="center">2</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>TOA1062</td> <td>Toán cao cấp A3</td> <td align="center">2</td> <td align="center">3</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>TOA1072</td> <td>Xác suất thống kê</td> <td align="center">2</td> <td align="center">4</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>HOA1083</td> <td>Hóa học đại cương & thực hành Hóa đại cương</td> <td align="center">3</td> <td align="center">1</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>VLY1094</td> <td>Vật lý đại cương và thực hành vật lí đại cương</td> <td align="center">4</td> <td align="center">1</td> </tr> </tbody> </table>	TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ DỰ KIẾN	A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			35		I. Lý luận chính trị			10		1	CTR1015	Những nguyên lý của CNMLN	5	1,2	2	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	3	CTR1033	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	4	II. Khoa học tự nhiên			21		4	TOA1043	Toán cao cấp A1	3	1	5	TOA1053	Toán cao cấp A2	3	2	6	TOA1062	Toán cao cấp A3	2	3	7	TOA1072	Xác suất thống kê	2	4	8	HOA1083	Hóa học đại cương & thực hành Hóa đại cương	3	1	9	VLY1094	Vật lý đại cương và thực hành vật lí đại cương	4	1
TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ DỰ KIẾN																																																																
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			35																																																																	
I. Lý luận chính trị			10																																																																	
1	CTR1015	Những nguyên lý của CNMLN	5	1,2																																																																
2	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3																																																																
3	CTR1033	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	4																																																																
II. Khoa học tự nhiên			21																																																																	
4	TOA1043	Toán cao cấp A1	3	1																																																																
5	TOA1053	Toán cao cấp A2	3	2																																																																
6	TOA1062	Toán cao cấp A3	2	3																																																																
7	TOA1072	Xác suất thống kê	2	4																																																																
8	HOA1083	Hóa học đại cương & thực hành Hóa đại cương	3	1																																																																
9	VLY1094	Vật lý đại cương và thực hành vật lí đại cương	4	1																																																																



10	TIN1112	Tin học đại cương	2	2
11	MTR1122	Khoa học môi trường đại cương	2	1
III. Khoa học Xã hội - Nhân văn			4	
12	LUA1132	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	1
13	NCK1142	Phương pháp NC khoa học	2	2
IV. Ngoại ngữ (có chứng chỉ riêng) A1, A2, B1				
V. Giáo dục thể chất (chứng chỉ riêng)				
VI. Giáo dục quốc phòng (chứng chỉ riêng)				
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
I. Kiến thức cơ sở ngành			25	
1. Các học phần bắt buộc			23	
14	KTR2012	Hình học họa hình	2	2
15	KTR2022	Vẽ kỹ thuật & VKT trên máy tính	2	2
16	KTD2032	Thông tin số	2	2
17	KTD2044	Lý thuyết mạch điện & thí nghiệm mạch điện	4	3
18	KTD2053	Mạch điện tử & thí nghiệm Mạch điện tử	3	3
19	KTD2062	Lý thuyết trường điện từ	2	3
20	KTD2072	Lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính	2	3
21	KTD2082	An toàn điện	2	4
22	KTD2092	Vật liệu điện	2	4
23	ANH2112	Tiếng Anh chuyên ngành KTD	2	5
2. Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)			2	
24	CKD2122	Cơ khí học đại cương	2	4
25	KMT2132	Kỹ thuật máy tính và ghép nối	2	4
II. Kiến thức chuyên ngành			70	
1. Các học phần bắt buộc			66	
26	KTD3013	Kỹ thuật đo lường & thí nghiệm kỹ thuật đo lường	3	4
27	KTD3022	Linh kiện và điện tử tương tự	2	4
28	KTD3032	Kỹ thuật xung số	2	5

				29	KTD3042	Kĩ thuật vi xử lí	2	5
				30	KTD3053	Xử lí số tín hiệu	3	5
				31	KTD3063	Điều khiển số & thí nghiệm Điều khiển số	3	5
				32	KTD3072	Đồ án Điều khiển số	2	5
				33	KTD3082	Ngắn mạch trong hệ thống điện	2	6
				34	KTD3094	Điện tử công suất & thí nghiệm Điện tử công suất	4	6
				35	KTD3112	Đồ án điện tử công suất	2	6
				36	KTD3124	Máy điện & thí nghiệm máy điện	4	6
				37	KTD3132	Đồ án máy điện	2	6
				38	KTD3143	Khí cụ điện & thí nghiệm Khí cụ điện	3	7
				39	KTD3153	Truyền động điện & thí nghiệm Truyền động điện	3	7
				40	KTD3164	Hệ thống cung cấp điện & thí nghiệm Hệ thống cung cấp điện	4	7
				41	KTD3172	Đồ án hệ thống cung cấp điện	2	7
				42	KTD3183	Kỹ thuật cao áp & thí nghiệm Kỹ thuật cao áp (Tùng Lâm)	3	8
				43	KTD3192	Giải tích mạng điện	2	8
				44	KTD3213	Phần điện trong trạm biến áp	3	8
				45	KTD3222	Đồ án thiết kế phần điện TBA	2	8
				46	KTD3233	Phần điện trong nhà máy điện	3	8
				47	KTD3243	Vận hành hệ thống điện	3	9
				48	KTD3253	Tự động hóa hệ thống điện	3	9
				49	KTD3263	Bảo vệ rơ le trong hệ thống điện	2	9
				50	KTD3272	Kĩ thuật lập trình	2	9
				2. Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 HP)			4	
				51	KTD3282	Quy hoạch phát triển hệ thống điện	2	9
				52	KTD3292	Vận hành nhà máy thủy điện	2	9
				53	KTD3312	Lưới điện phân phối	2	9
				54	KTD3222	Thông tin, điều độ hệ thống điện	2	
				C. THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP			20	

HOC
 IAN
 HOC
 AI T
 AN
 HOC

			1.5. Giáo dục thể chất (chứng chỉ riêng)			
			1.6. Giáo dục quốc phòng (chứng chỉ riêng)			
			II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92/100		
			2.1. Kiến thức cơ sở ngành	50/54		
			2.1.1. Các học phần bắt buộc	48		
		12	KTR2012	Vẽ kỹ thuật 1	2	1
		13	KTR2022	Vẽ kỹ thuật 2	2	2
		14	TOA2032	Toán chuyên ngành	2	2
		15	KTN2042	Kỹ thuật nhiệt	2	3
		16	CHU2052	Cơ học ứng dụng	2	2
		17	KTD2063	Lý thuyết mạch điện	3	3
		18	KTD2071	Thí nghiệm mạch điện	1	3
		19	KTD2082	Mạch điện tử	2	3
		20	KTD2091	Thí nghiệm Mạch điện tử	1	3
		21	KTD2102	Kỹ Thuật xung số	2	4
		22	KTD2112	An toàn điện	2	2
		23	KTD2122	Tiếng anh chuyên ngành	2	4
		24	KTD2132	Kỹ thuật đo lường	2	4
		25	KTD2141	Thí nghiệm kỹ thuật đo lường	1	4
		26	KTD2153	Máy điện	3	3
		27	KTD2161	Thí nghiệm máy điện	1	3
		28	KTD2172	Đồ án Máy điện	2	3
		29	KTD2183	Lý thuyết điều khiển tự động	3	5
		30	KTD2193	Điện tử công suất	3	4
		31	KTD2201	Thí nghiệm điện tử công suất	1	4
		32	KTD2212	Đồ án Điện tử công suất	2	4

VÀ
HIỆU
: HU
NH
: TR
HU

			33	KTD2222	Khí cụ điện	2	5
			34	KTD2231	Thí nghiệm khí cụ điện	1	5
			35	KTD2243	Truyền động điện	3	6
			36	KTD2251	Thí nghiệm truyền động điện	1	6
			2.1.2. Các học phần tự chọn (chọn 1 học phần)			2/6	
			37	KTD2262	Kinh tế năng lượng	2	5
			38	KTD2272	Quản lý dự án	2	5
			39	KTD2282	Phương pháp NCKH	2	5
			2.2. Kiến thức ngành			42/46	
			2.2.1. Học phần bắt buộc			38	
			40	KTD2293	Vi xử lý và vi điều khiển	3	5
			41	KTD2301	TN vi xử lý và vi điều khiển	1	5
			42	KTD2312	KT điều khiển lập trình PLC	2	6
			43	KTD2321	Thí nghiệm PLC	1	6
			44	KTD2332	Đồ án PLC	2	6
			45	KTD2342	Ngắn mạch trong hệ thống điện	2	6
			46	KTD2352	Vật liệu điện	2	5
			47	KTD2362	Bảo vệ rơ le trong hệ thống điện	2	7
			48	KTD2372	Kỹ thuật cao áp	2	8
			49	KTD2383	Cung cấp điện	3	7
			50	KTD2391	Thí nghiệm Cung cấp điện	1	7
			51	KTD2402	Đồ án Cung cấp điện	2	7
			52	KTD2413	Phản điện NMD&TBA	3	8
			53	KTD2422	Đồ án phản điện NMD&TBA	2	8
			54	KTD2433	Quản lý bảo trì vận hành Hệ thống điện	3	7
			55	KTD2443	Lưới điện	3	6
			56	KTD2452	Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	2	6

				57	KTD2462	Thiết kế điện và dự toán	2	8
				2.2.2. Các học phần tự chọn (chọn 1 học phần)			4/8	
				58	KTD2472	Quy hoạch phát triển HTĐ	2	7
				59	KTD2482	Ổn định HTĐ	2	7
				60	KTD2492	Kỹ thuật chiếu sáng	2	7
				61	KTD2502	Tự động hóa HTĐ	2	7
				III. Thực tập và đồ án tốt nghiệp			17	
				62	KTD3011	Thực tập nhận thức	1	2
				63	KTD3022	Thực tập công nhân	2	8
				64	KTD3034	Thực tập tốt nghiệp	4	8
				65	KTD3040	Đồ án tốt nghiệp	10	9
				TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			135/143	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường; - Có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. 				
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<p>Sau khi ra trường sinh viên ngành Kỹ thuật điện đảm nhận được các vị trí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên kỹ thuật hoặc tư vấn thiết kế, vận hành, bảo trì mạng lưới điện tại các công ty điện lực, nhà máy điện, trạm biến áp, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất,... - Nghiên cứu viên tại các phòng thí nghiệm, các đơn vị sản xuất công nghiệp tự động hóa và điện tử hóa cao. - Làm việc cho Tổng công ty Bưu chính viễn thông, Tổng cục Điện tử Việt Nam và các công ty trực thuộc - Làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh các thiết bị điện – điện tử như các nhà máy chế 				

				tạo Máy biến áp, động cơ và các doanh nghiệp khác như General Electric VN, Samsung Vina, Schneider Electric VN, Labvolt, ...
--	--	--	--	--

Đông Hà, ngày 16 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN NGỌC THỦY TIÊN

GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG CHÍ HIẾU